

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ  
CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 30

52  
- 0  
MTC  
SM

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Hiến	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Chiến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Ngọc Quỳnh Lam	Trưởng ban
Ông Phạm Hải Sơn	Thành viên
Ông Quản Xuân Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Kinh Doanh
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thu Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Th.s Bùi Hữu Quỳnh**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 19.395HN/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

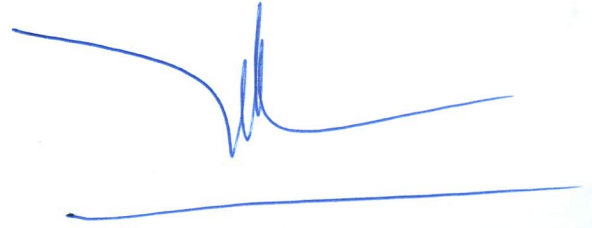
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1

---

**Lộ Nguyễn Thúy Phượng**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1191-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117.969.063.776</b>	<b>125.293.650.602</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>38.001.360.704</b>	<b>24.355.805.354</b>
1. Tiền	111		18.357.297.720	16.355.805.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.644.062.984	8.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.452.564.488</b>	<b>64.100.046.809</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	81.304.092.885	52.615.130.885
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.148.452.202	413.497.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	9.976.516.365	29.262.547.506
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(22.976.496.964)	(18.191.128.582)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.537.761.087</b>	<b>18.958.782.960</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	7.537.761.087	18.958.782.960
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>977.377.497</b>	<b>17.879.015.479</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		856.257.112	839.740.358
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		120.089.298	17.039.275.121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	1.031.087	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>340.687.781.675</b>	<b>220.151.338.826</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.355.287.432</b>	<b>16.851.888.837</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	9.248.697.978	12.745.299.383
Nguyên giá	222		43.189.014.455	42.516.878.092
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.940.316.477)	(29.771.578.709)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	4.106.589.454	4.106.589.454
Nguyên giá	228		4.106.589.454	4.106.589.454
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>319.958.767.880</b>	<b>199.016.151.871</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	319.958.767.880	199.016.151.871
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.373.726.363</b>	<b>4.283.298.118</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	7.373.726.363	4.283.298.118
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>458.656.845.451</b>	<b>345.444.989.428</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>320.118.536.185</b>	<b>219.538.842.966</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108.718.536.185</b>	<b>139.485.167.533</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	14.904.987.942	70.850.892.673
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	33.644.587.187	30.210.494.687
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	7.119.316.758	1.936.245.535
4. Phải trả người lao động	314		8.066.704.755	5.230.777.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	311.898.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	43.526.426.398	25.381.544.446
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.154.955.179	5.003.147.226
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		301.557.966	560.167.966
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>211.400.000.000</b>	<b>80.053.675.433</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	211.400.000.000	80.053.675.433
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>138.538.309.266</b>	<b>125.906.146.462</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>138.538.309.266</b>	<b>125.906.146.462</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.200.446.462	33.139.015.507
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.200.000.000	4.200.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.137.862.804	10.567.130.955
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.137.862.804	10.567.130.955
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		36.000.000.000	36.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>458.656.845.451</b>	<b>345.444.989.428</b>



**Th.s Bùi Hữu Quỳnh**  
**Tổng Giám đốc**  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Ngô Thu Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**  
**Người lập**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	194.215.325.128	116.535.936.472
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.215.325.128	116.535.936.472
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	147.627.102.177	88.304.697.860
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.588.222.951	28.231.238.612
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.285.173.052	3.353.974.168
6. Chi phí tài chính	22		977.234.296	461.661.792
· Trong đó, chi phí lãi vay	23		957.779.779	461.661.792
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	23.888.982.707	17.882.339.080
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.007.179.000	13.241.211.908
9. Thu nhập khác	31	5.5	3.848.192.047	3.464.000
10. Lợi nhuận khác	40		3.848.192.047	3.464.000
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.855.371.047	13.244.675.908
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	5.717.508.243	2.677.544.953
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.137.862.804	10.567.130.955
14. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.137.862.804	10.567.130.955
15. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.15.4	4.982	2.491



**Th.s Bùi Hữu Quỳnh**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Ngô Thu Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		26.855.371.047	13.244.675.908
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.168.737.768	4.656.891.764
Các khoản dự phòng	03		937.176.335	3.754.688.171
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.216.783	(87.008.916)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(1.285.173.052)	(3.266.965.252)
Chi phí lãi vay	06		957.779.779	461.661.792
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>31.652.108.660</b>	<b>18.763.943.467</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.158.522.675	(6.640.569.440)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.421.021.873	(10.485.429.912)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.629.068.707)	(16.713.339.193)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.106.944.999)	(2.129.559.917)
Tiền lãi vay đã trả	14		(957.779.779)	(461.661.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(3.130.018.837)	(4.174.582.705)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(364.310.000)	(163.497.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.043.530.886</b>	<b>(22.004.696.492)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(121.614.752.372)	(132.741.930.985)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	44.121.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.285.173.052	3.266.965.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(120.329.579.320)</b>	<b>(85.353.965.733)</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	161.446.324.567	80.053.675.433
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(30.100.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.14.5	(8.396.504.000)	(8.420.919.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>122.949.820.567</b>	<b>71.632.756.433</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>13.663.772.133</b>	<b>(35.725.905.792)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24.355.805.354	59.994.702.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.216.783)	87.008.916
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>38.001.360.704</b>	<b>24.355.805.354</b>



Th.s Bùi Hữu Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Ngô Thu Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là “Nhóm công ty”).

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 275 (31/12/2017: 264).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi, thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng. Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Đo đạc bản đồ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất- nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác. Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng.

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

### **1.5. Công ty con trực tiếp được hợp nhất**

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
1.	Công ty Cổ phần Phước Hòa	Số 461 đường 30 Tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	70%	70%

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### **2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

#### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### **3.4. Nợ phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

##### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.5. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### **Năm 2018**

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

### **3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### **3.8. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.11. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.13. Doanh thu và thu nhập khác**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.14 dưới đây.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.14. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

### **3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

### **3.18. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	327.022.823	4.261.265.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.030.274.897	12.094.539.764
Các khoản tương đương tiền	19.644.062.984	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.001.360.704</b>	<b>24.355.805.354</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,1% đến 4,8%.

(Xem trang tiếp theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	17.117.492.693	2.621.008.693
Công ty TNHH Một thành viên 17	16.111.308.484	16.111.308.484
Các khách hàng khác	48.075.291.708	33.882.813.708
<b>Cộng</b>	<b>81.304.092.885</b>	<b>52.615.130.885</b>

**4.3. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	272.020.647	-	16.106.096.511	-
Phải thu thanh toán khoán	339.676.195	-	126.608.695	-
Ký cược, ký quỹ	9.362.064.759	-	13.011.375.400	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	2.754.764	-	18.367.100	-
Phải thu khác	-	-	99.800	-
<b>Cộng</b>	<b>9.976.516.365</b>	<b>-</b>	<b>29.262.547.506</b>	<b>-</b>

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	34.921.713.894	11.945.216.930	32.057.256.946	13.866.128.364

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP	3.569.024.800	2.498.317.360	Dưới 1 năm Từ 2 năm đến	3.569.024.800	2.498.317.360	Dưới 1 năm Từ 1 năm đến
Công ty TNHH MTV 17	16.111.308.484	5.720.418.715	3 năm Từ 1 năm đến	13.893.743.060	6.946.871.530	2 năm Từ 1 năm đến
Các khách hàng khác	15.241.380.610	3.726.480.855	trên 3 năm	14.594.489.086	4.420.939.474	trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>34.921.713.894</b>	<b>11.945.216.930</b>		<b>32.057.256.946</b>	<b>13.866.128.364</b>	

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	391.445.754	-	275.065.868	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.031.220.956	-	18.683.717.092	-
Hàng hóa	115.094.377			
<b>Cộng</b>	<b>7.537.761.087</b>	<b>-</b>	<b>18.958.782.960</b>	<b>-</b>

**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí đầu tư Dự án Công trình nhà máy thủy điện Phước Hòa.

Một số tài sản hình thành trong tương lai của dự án này được cầm cố thế chấp cho khoản vay dài hạn – xem thêm mục 4.14.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm là 11.624.492.408 VND

*(Xem trang tiếp theo)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	4.648.132.427	26.469.811.081	10.977.192.941	421.741.643	42.516.878.092
Mua trong năm	-	627.272.727	44.863.636	-	672.136.363
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.648.132.427</b>	<b>27.097.083.808</b>	<b>11.022.056.577</b>	<b>421.741.643</b>	<b>43.189.014.455</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	2.956.143.962	17.922.196.517	8.485.663.256	407.574.974	29.771.578.709
Khấu hao trong năm	95.047.362	3.219.578.370	844.112.034	10.000.002	4.168.737.768
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>3.051.191.324</b>	<b>21.141.774.887</b>	<b>9.329.775.290</b>	<b>417.574.976</b>	<b>33.940.316.477</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	1.691.988.465	8.547.614.564	2.491.529.685	14.166.669	12.745.299.383
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.596.941.103</b>	<b>5.955.308.921</b>	<b>1.692.281.287</b>	<b>4.166.667</b>	<b>9.248.697.978</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.342.250.150 VND.

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí trước hoạt động chờ phân bổ của Dự án thủy điện Phước Hòa.	6.787.840.498	4.283.298.118
Các chi phí khác	585.885.865	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.373.726.363</u></b>	<b><u>4.283.298.118</u></b>

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàng Minh	2.113.787.736	2.113.787.736	3.521.843.407	3.521.843.407
Liên hiệp Địa kỹ thuật công trình Miền Nam	1.658.749.000	1.658.749.000	34.703.433	34.703.433
Phải trả cho các đối tượng khác	11.132.451.206	11.132.451.206	67.294.345.833	67.294.345.833
<b>Cộng</b>	<b><u>14.904.987.942</u></b>	<b><u>14.904.987.942</u></b>	<b><u>70.850.892.673</u></b>	<b><u>70.850.892.673</u></b>

**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Sông Sài Gòn	9.092.309.698	-
Các khách hàng khác	24.552.277.489	30.210.494.687
<b>Cộng</b>	<b><u>33.644.587.187</u></b>	<b><u>30.210.494.687</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.000.335.461	13.173.617.596	10.546.913.286	-	1.373.631.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.703.187.249	5.717.508.243	3.130.018.837	-	115.697.843
Thuế thu nhập cá nhân	-	399.134.789	2.145.804.088	1.933.585.840	-	186.916.541
Thuế tài nguyên	-	-	1.346.877.000	1.507.877.000	-	161.000.000
Thuế GTGT của hàng nhập khẩu	607.226	-	18.219.284	18.826.510	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	423.861	-	12.430.381	12.854.242	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	16.659.259	641.007.099	723.347.840	-	99.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.031.087</b>	<b>7.119.316.758</b>	<b>23.055.463.691</b>	<b>17.873.423.555</b>	<b>-</b>	<b>1.936.245.535</b>

(Xem trang tiếp theo)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Tại ngày 31/12/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
Phải trả về cổ phần hóa	627.818.580	624.322.580
Phải trả thanh toán khoán	42.512.108.060	24.284.709.403
Các khoản phải trả, phải nộp khác	386.499.758	472.512.463
<b>Cộng</b>	<b><u>43.526.426.398</u></b>	<b><u>25.381.544.446</u></b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng (i)	200.000.000.000	200.000.000.000	148.746.324.567	-	51.253.675.433	51.253.675.433
Ông Bùi Hữu Quỳnh	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Ông Trần Văn Hiến	-	-	-	13.800.000.000	13.800.000.000	13.800.000.000
Ông Trần Hữu Thành	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản vay khác (ii)	11.400.000.000	11.400.000.000	12.700.000.000	1.300.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>211.400.000.000</u></b>	<b><u>211.400.000.000</u></b>	<b><u>161.446.324.567</u></b>	<b><u>30.100.000.000</u></b>	<b><u>80.053.675.433</u></b>	<b><u>80.053.675.433</u></b>

- i. Là khoản vay dài hạn từ Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 29091768/2017 – HĐCVDAĐT/NHCT620 - CÔNG TY CP PHƯỚC HÒA ngày 29/9/2017. Mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Phước Hòa. Hạn mức vay là 200 tỷ, thời hạn vay 10 năm với lãi suất: 7,5%/năm đầu tiên, 8,7%/năm thứ hai và các năm sau áp dụng lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp là các tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.6
- ii. Các khoản vay khác là khoản vay của cá nhân theo Hợp đồng số 01/HĐVV-PH ngày 11 tháng 06 năm 2018 và hợp đồng số 02/HĐVV-PH ngày 02 tháng 11 năm 2018 với thời hạn 5 năm và lãi suất lần lượt là 8%/năm và 0%/năm. Mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Phước Hòa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.15. Vốn chủ sở hữu

## 4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Vốn của cổ đồng không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2017	42.000.000.000	28.618.097.624	4.200.000.000	12.937.637.883	36.000.000.000	123.755.735.507
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.567.130.955	-	10.567.130.955
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.537.637.883	-	(4.537.637.883)	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(8.400.000.000)	-	(8.400.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(16.720.000)	-	-	-	(16.720.000)
Tại ngày 01/01/2018	42.000.000.000	33.139.015.507	4.200.000.000	10.567.130.955	36.000.000.000	125.906.146.462
Lãi trong năm nay	-	-	-	21.137.862.804	-	21.137.862.804
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(8.400.000.000)	-	(8.400.000.000)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.061.430.955	-	(2.167.130.955)	-	(105.700.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>35.200.446.462</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>21.137.862.804</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>138.538.309.266</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tại ngày 31/12/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	10.474.900.000	10.474.900.000
Bà Ngô Thu Hương	4.300.000.000	4.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.225.100.000	27.225.100.000
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	21.137.862.804	10.567.130.955
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(211.378.628)	(105.700.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.926.484.176	10.461.430.955
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.982</b>	<b>2.491</b>

**4.15.5. Cổ tức**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Cổ tức đã chi trả của cổ phiếu phổ thông	(8.396.504.000)	(8.420.919.000)

*(Xem trang tiếp theo)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.724,6	2.724,6
EUR	28.655,28	28.998,84

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

Là giá vốn xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Lãi tiền gửi	1.285.173.052	3.266.965.252
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	87.008.916
<b>Cộng</b>	<b><u>1.285.173.052</u></b>	<b><u>3.353.974.168</u></b>

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.598.932.905	9.064.457.147
Chi phí vật liệu quản lý	1.073.239.039	531.923.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	465.551.007	252.191.017
Chi phí khấu hao TSCĐ	992.710.782	1.137.652.994
Thuế, phí và lệ phí	156.253.024	209.426.000
Chi phí dự phòng	4.785.368.382	2.952.388.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.843.071.116	3.188.642.366
Chi phí bằng tiền khác	973.856.452	545.657.485
<b>Cộng</b>	<b><u>23.888.982.707</u></b>	<b><u>17.882.339.080</u></b>

**5.5. Thu nhập khác**

Là khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.079.878.170	32.949.292.978
Chi phí nhân công	72.958.519.782	51.055.344.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.168.737.768	4.656.891.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.469.657.039	17.266.571.281
Chi phí khác bằng tiền	8.616.333.227	4.703.008.626
Chi phí dự phòng	4.785.368.382	3.754.688.171
<b>Cộng</b>	<b>158.078.494.368</b>	<b>114.385.797.467</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	26.855.371.047	13.244.675.908
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo luật thuế TNDN	227.107.006	143.048.856
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	27.082.478.053	13.387.724.764
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	5.416.495.611	2.677.544.953
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	301.012.632	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.717.508.243</b>	<b>2.677.544.953</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN là các chi không có chứng từ hợp lý, hợp lệ, chi phí lãi vay không được trừ.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	161.446.324.567	80.053.675.433

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(30.100.000.000)	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận vì hoạt động của Nhóm công ty năm nay chủ yếu là cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng; nên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất đã trình bày rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Nhóm công ty cũng không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

- |                              |   |
|------------------------------|---|
| 1. Công ty Cổ phần Phước Hòa | Công ty con   |
| 2. Th.s Bùi Hữu Quỳnh        | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt  |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Trả tiền vay:		
Ông Bùi Hữu Quỳnh – TGD	(9.000.000.000)	-
Ông Trần Văn Hiến – PTGD	(13.800.000.000)	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	316.000.000	276.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.520.970.000	2.469.881.000
<b>Cộng</b>	<b>3.836.970.000</b>	<b>2.745.881.000</b>

**9. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY**

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Thù lao của Ban kiểm soát	110.000.000	114.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Th.s Bùi Hữu Quỳnh**

**Tổng giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03  
năm 2019*

---

**Ngô Thu Hương**

**Kế toán trưởng**

---

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

**Người lập**



Số: 02/2018-19/UQ-RSM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2018

## GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số hiệu 33/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (Sau đây gọi là RSM Vietnam) về quy định chức năng quyền hạn của Tổng Giám đốc;

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty hiện nay;

**Tôi:** **Đặng Xuân Cảnh (Người ủy quyền)**  
CMND số: 022172601 do CA. TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2010  
Chức vụ: Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật của RSM Vietnam.

Bằng văn bản này, ủy quyền cho:

**Bà:** **Đặng Thị Hồng Loan (Người được ủy quyền)**  
CMND số: 025079964 do CA. TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/4/2009  
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Nghiệp vụ của RSM Vietnam - Phụ trách Nghiệp vụ



*Phùng Dương Thanh*

### ▪ Phạm vi ủy quyền:

Bà Loan có trách nhiệm xem xét chất lượng và ký các loại thư từ giao dịch liên quan đến dịch vụ do Phòng Nghiệp vụ thực hiện; đồng thời ký các loại hồ sơ, chứng từ khác khi TGD đi vắng như sau:

1. Thư báo giá;
2. Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ (Báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét,...);
3. Hóa đơn GTGT các dịch vụ do Phòng Nghiệp vụ phát hành (khi Tổng Giám đốc đi vắng);
4. Hóa đơn GTGT các dịch vụ do Phòng/Bộ phận khác trong Công ty phát hành (trường hợp TGD và Thành viên Ban TGD phụ trách Phòng/Bộ phận đó đi vắng).
5. Hợp đồng dịch vụ và các văn bản liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của các Phòng Nghiệp vụ (khi Tổng Giám đốc đi vắng)

Bằng các xét đoán nghề nghiệp, nếu nhận thấy việc Tổng Giám đốc ký các thư từ, báo cáo như ủy quyền nêu trên thuận lợi hơn cho công việc thì Người được ủy quyền cần phải thông báo cho Tổng Giám đốc được biết. Trong trường hợp này, Người được ủy quyền vẫn có trách nhiệm xem xét chất lượng các loại thư từ, báo cáo để bảo đảm rằng các loại thư từ, báo cáo này đã được sẵn sàng để ký phát hành.

### ▪ Thời hạn và hiệu lực ủy quyền:

Việc ủy quyền này có hiệu lực trong năm tài chính 2018 - 2019 (từ 01/10/2018 đến hết 30/9/2019); Các ủy quyền trước đây có cùng nội dung đều không còn hiệu lực.

Giấy ủy quyền được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho Người ủy quyền, 01 bản giao cho Người được ủy quyền, 01 bản lưu tại BP. Tổ chức - Nhân sự Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**